



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Article info

Type of article:

Scientific information paper

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.2.46-56>

***Corresponding author:**

Email address:

trantuan.gyluat@gmail.com

Received: 11/01/2026

Received in Revised Form:
26/02/2026

Accepted: 06/03/2026

Discussion on the impact of technology in the digital era on the teaching of courses in the field of international law: Practice at the Faculty of Economic and International Law, Procuratorate University

Dương Đình Công¹, Trần Văn Tuấn^{2*}

¹Faculty of Economic and International Law, Procuratorate University, Vietnam

²Faculty of Law and Politics, University of Transport Technology, Hanoi, Vietnam

Abstract: The digital era, with the emergence of modern technological tools, has impacted all aspects of social life, in which the influence of technology on legal education has become increasingly evident. In this context, this article presents the impacts of technology on legal education in the digital era in general, and examines the practical experience of teaching courses in the field of international law at the Faculty of Economic and International Law, Procuratorate University. Based on the current situation and the use of research methods appropriate to the subject and objectives, the article discusses and proposes orientation-based solutions aimed at contributing to improving the effectiveness of teaching courses in the field of international law at the Faculty of Economic and International Law, Procuratorate University in the new context.

Keywords: Training activities, digital era, international law, procuratorate



Thông tin bài viết
Dạng bài viết:
Bài báo thông tin khoa học

DOI:
<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.2.46-56>

*Tác giả liên hệ:
Địa chỉ Email:
trantuan.gy luat@gmail.com

Ngày nộp bài: 11/01/2026
Ngày nộp bài sửa: 26/02/2026
Ngày chấp nhận: 06/03/2026

Luận bàn về tác động của công nghệ trong kỷ nguyên số đối với công tác đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế: thực tiễn tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát

Dương Đình Công¹, Trần Văn Tuấn^{2*}

¹Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát, Việt Nam

²Khoa Luật – Chính trị, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt: Kỷ nguyên số với sự ra đời của các công cụ công nghệ hiện đại đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội trong đó ảnh hưởng của công nghệ đến công tác đào tạo pháp luật càng trở nên rõ ràng. Trong bối cảnh đó, bài viết trình bày những tác động của công nghệ đến công tác đào tạo pháp luật trong kỷ nguyên số nói chung và từ thực tiễn công tác đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát. Trên cơ sở thực trạng và sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng và mục tiêu, bài viết luận bàn và đưa ra những giải pháp mang tính chất định hướng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Công tác đào tạo, Kỷ nguyên số, Pháp luật quốc tế, Kiểm sát.

1. Đặt vấn đề

Kỷ nguyên số (Digital Age) được nhắc đến và đạt được sự đồng thuận trong nhiều văn kiện phổ quát của nhiều định chế quốc tế cũng như tại nhiều quốc gia trên thế giới. Kỷ nguyên này được đặc trưng bởi những thuộc tính mới mẻ, với quy mô và cường độ tác động mang tính bước ngoặt, chưa từng có tiền lệ. Động lực kiến tạo nên kỷ nguyên số là quá trình chuyển đổi số toàn cầu mà theo nhận định của Liên hợp quốc, tốc độ phát triển của công nghệ số hiện nay đang diễn ra theo cấp số nhân, vượt xa bất kỳ sự đổi mới sáng tạo nào trong lịch sử nhân loại. Kỷ nguyên số làm hình thành một không gian ảo (cyberspace) ở quy mô toàn cầu, tồn tại gần như song song với không gian

vật lý. Khối lượng dữ liệu được nhân loại sản sinh và lưu trữ chỉ trong nửa thập kỷ qua được ước tính vượt quá tổng lượng dữ liệu được tạo ra trong toàn bộ lịch sử trước đó và tác động lên mọi mặt của đời sống [1].

Công tác đào tạo pháp luật tại các cơ sở giáo dục đại học trong thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực. Theo thống kê đến tháng 10/2025 cả nước có 111 cơ sở đào tạo pháp luật, tăng hơn 10 lần so với năm 2005 phản ánh nhu cầu dạy và học luật không ngừng tăng cao. Tuy nhiên, cử nhân luật hiện nay tại Việt Nam vẫn còn khá yếu kém trong kỹ năng hành nghề thực tiễn, nền tảng kiến thức chưa thực sự vững chắc, kỹ năng mềm còn rất nhiều hạn chế [2].

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo, hoàn thiện thể chế và tổ chức triển khai thực hiện. Ngày 13/9/2023, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023 – 2030" với mục tiêu "tăng cường kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế".

Ảnh hưởng/tác động của công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) đến đào tạo luật đã được nghiên cứu ở những khía cạnh mà mức độ khác nhau như trong Hội thảo quốc gia về Kỹ năng trong đào tạo cử nhân luật đáp ứng nhu cầu thị trường lao động [2]; dưới góc độ luật sư [3]; hội nhập quốc tế [1]; hay dưới góc nhìn tổng quan về cơ hội thách thức của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học [4] hoặc là nghiên cứu so sánh trí tuệ nhân tạo và bản dịch của con người [5]... Những nghiên cứu được công bố trên đây đã bàn về những khía cạnh, thách thức; tác động; yêu cầu, đòi hỏi về công tác đào tạo luật trong bối cảnh mới trên bình diện chung nhất mà chưa có công bố nào nghiên cứu về hoạt động đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát trong kỷ nguyên số. Trên cơ sở khoảng trống nghiên cứu này, câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là: Những cơ hội, thách thức tác động đến hoạt động đào tạo các học phần thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát trong kỷ nguyên số là gì? Để nâng cao chất lượng đào tạo luật tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế dưới sự tác động của công nghệ trong kỷ nguyên số thì cần phải tiến hành các giải pháp nào? Từ đó bài viết hướng đến mục tiêu làm rõ tác động của công nghệ đối với công tác đào tạo pháp luật nói chung và đối với công tác đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Khoa Pháp luật Kinh tế -

Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát nói riêng; thực trạng và một số gợi mở nhằm nâng cao chất lượng đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu, nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp phân tích – tổng hợp: được dùng để phân tích các nghiên cứu liên quan bao gồm quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nghiên cứu liên quan đến chuyển đổi số, kỷ nguyên số và ảnh hưởng đến công tác đào tạo pháp luật nói chung và đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế của Trường Đại học Kiểm sát nói riêng. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt bài viết.

Phương pháp so sánh: được sử dụng chủ yếu để so sánh giữa các nghiên cứu liên quan; so sánh thực trạng, ảnh hưởng của công nghệ, trí tuệ nhân tạo đến công tác đào tạo luật trên phương diện chung ở các cơ sở đào tạo và trong các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế của Trường Đại học Kiểm sát. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở tiểu mục 3 của bài viết.

Phương pháp khảo sát: phương pháp này được sử dụng dựa trên dữ liệu là khảo sát đánh giá sự hài lòng của người học đối với hoạt động giảng viên của Khoa theo kế hoạch của Trung tâm bảo đảm chất lượng. Qua khảo sát để đánh giá, đo lường mức độ ứng dụng công nghệ vào giảng dạy. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở phần kết quả và thảo luận.

Phương pháp suy luận logic: trên cơ sở nghiên cứu, tiếp biến những tác động của công nghệ trong kỷ nguyên số đối với công tác đào tạo pháp luật nói chung để từ đó suy luận logic những thuận lợi, thách thức trong đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế của Trường Đại học Kiểm sát. Phương pháp này được sử dụng để đưa ra những suy luận logic tại phần kết quả và thảo luận.

3. Kỹ nguyên số và tác động của công nghệ trong kỹ nguyên số đối với công tác đào tạo pháp luật

Cơ sở lý thuyết nền tảng cho nghiên cứu bao gồm các khái niệm, định nghĩa về kỹ nguyên số và tác động của công nghệ trong kỹ nguyên số với công tác đào tạo luật ở Việt Nam nói chung và thực tiễn đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Trường Đại học Kiểm sát.

3.1. Kỹ nguyên số

Kỹ nguyên số là thuật ngữ được sử dụng ngày càng phổ biến trong đời sống xã hội nhưng cũng có nhiều cách tiếp cận, định nghĩa khác nhau. Có nghiên cứu cho rằng, kỹ nguyên số là kỹ nguyên được đặc trưng bởi sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và Internet, làm thay đổi căn bản cách thức con người tiếp cận và chia sẻ thông tin. Kỹ nguyên này bắt đầu với sự ra đời của World Wide Web và phát triển ngày càng mạnh mẽ với sự ra đời của máy tính cá nhân, giúp công nghệ dễ tiếp cận hơn với công chúng [6]. Hay kỹ nguyên số là thời đại hiện nay (đương đại) được đặc trưng bởi việc sử dụng rộng rãi công nghệ số: Trong thời đại kỹ thuật số, điện thoại thông minh và mạng xã hội đã thay đổi cách giao tiếp; Giáo dục đã thay đổi mạnh mẽ; Thời đại kỹ thuật số đã mang đến những thách thức mới về quyền riêng tư [7].

Thuật ngữ Kỹ nguyên số được cho là xuất hiện từ những năm 1970 gắn với sự ra đời của máy tính cá nhân, sau đó được hỗ trợ bởi các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), công nghệ kỹ thuật số... Ngày nay, kỹ nguyên số được thúc đẩy mạnh mẽ hơn bởi cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, gắn với quá trình chuyển đổi số toàn diện. “Kỹ nguyên số cũng làm xuất hiện những dạng thức mới trong đời sống xã hội của thế giới đương đại, như đời sống số, tri thức số, văn hóa số, chính phủ số, đô thị số, công dân số... Đây cũng được xem là những yếu tố có thể tạo nên những tác động sâu sắc tới sự phát triển, vận động của thế giới cũng như của từng quốc gia, doanh nghiệp, người dân trong nhiều thập niên tới...” [8].

Kỹ nguyên số được cấu thành bởi 2 yếu tố

có quan hệ mật thiết với nhau, đó là kinh tế số và xã hội số. Trong đó, kinh tế số là nền kinh tế mà toàn bộ các hoạt động kinh tế đều dựa trên công nghệ số và nền tảng số. Xã hội số gồm 3 yếu tố cơ bản nhất là chính phủ số, văn hóa số và công dân số [8].

3.2. Tác động của công nghệ trong kỹ nguyên số với công tác đào tạo pháp luật

Trong thời đại chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0, AI đang trở thành một công cụ quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. “Các ngành học khác nhau sẽ có nhu cầu và đặc trưng sử dụng AI khác nhau, do vậy, cần phải có sự am hiểu phù hợp về đặc thù ngành lẫn kiến thức về AI để có thể xây dựng môn học phù hợp đối với các ngành học cụ thể... Đồng thời, cần nhận thức và giải quyết các thách thức liên quan để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của việc giảng dạy AI trong giáo dục đại học” [9].

Kỹ nguyên số không phải là một kết quả sẵn có mà là thành quả của cả một quá trình vận động, biến đổi không ngừng... Lợi ích dễ nhận thấy nhất của chuyển đổi số là loại bỏ các công đoạn gây lãng phí thời gian một cách không cần thiết. Ở góc độ của người thụ hưởng dịch vụ cũng sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian và chi phí hơn; có điều kiện tiếp cận các dịch vụ và sự hỗ trợ thông qua các phương thức tương tác ưa thích [8]. Nếu như trước đây người dạy sẽ phải mất nhiều thời gian để tìm tài liệu, nghiên cứu các tài liệu truyền thống và soạn bài giảng mất rất nhiều thời gian thì với sự ra đời của AI đã trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực và xu hướng phổ biến của công nghệ lớp học, gia sư thông minh như Gemini, Chat GPT... Với sự hỗ trợ của AI mang đến nhiều thuận lợi như tự động hóa các hoạt động giáo dục; cá nhân hóa quá trình học tập; trợ lý ảo; phản hồi liên tục [4]. AI giúp cho giảng viên tối ưu hóa các hoạt động vốn dĩ cần rất nhiều thời gian như xây dựng bài giảng (slide, sơ đồ tư duy); gợi ý ngân hàng đề thi và xây dựng các bài tập tình huống đa dạng... AI cũng giúp cho giảng viên có thể tìm kiếm, so sánh quy định pháp luật của các quốc gia trong thời gian ngắn – điều khó tưởng tượng chỉ cách đây vài năm về trước. Cùng

với đó là những giao thức tương tác không ngừng được phát triển giúp cho các hoạt động giảng dạy đa dạng, phong phú và tích cực hơn. Chẳng hạn giảng viên có thể sử dụng, khai thác hệ thống LMS, Microsoft Teams,... để thảo luận, xây dựng phòng học ảo, diễn án ảo hoặc giao tiếp trực tuyến với các chuyên gia ở những khu vực địa lý khác nhau trên thế giới.

Dưới góc độ người học, theo tổng hợp của chính một trong những công cụ AI phổ biến là Gemini cho thấy AI mang đến những thuận lợi như giúp người học vượt qua được những rào cản về mặt ngôn ngữ; trợ lý ảo được cá nhân hóa đến từng người học; cơ hội tiếp cận các nguồn học liệu mở. Thật vậy, các công cụ dịch thuật AI giúp sinh viên có thể tìm kiếm các nguồn học liệu về pháp luật quốc tế một cách dễ dàng, nhanh chóng và hiệu quả hơn, đặc biệt là sự thay đổi, cập nhật kịp thời các văn kiện pháp lý quốc tế. AI đóng vai trò như một trợ lý ảo 24/7, giải thích các thuật ngữ khó, tóm tắt án lệ và hỗ trợ rèn luyện tư duy tranh tụng thông qua việc đóng vai "đối thủ pháp lý" để phản biện. AI cũng giúp người học có thể tiếp cận được những nguồn học liệu trực tuyến từ nhiều trường đại học trên thế giới, truy cập mở (OA) một cách dễ dàng nhất từ trước đến nay... Đồng thời, sự phát triển của công nghệ số cũng mang đến những tác động tích cực đến đào tạo luật như đa dạng các phương pháp, hình thức đào tạo; mở rộng, làm phong phú nội dung đào tạo; tăng cường khả năng tiếp cận tri thức; mở ra nhiều cơ hội phát triển kỹ năng mới [10].

Sử dụng công nghệ trong kỷ nguyên số là một tất yếu nhưng không chỉ mang đến những cơ hội mà còn mang đến những tác động/thách thức. Nhiều nghiên cứu chỉ ra tác động hạn chế của công nghệ đối với hoạt động đào tạo bao gồm nhưng không giới hạn: làm gia tăng tình trạng phụ thuộc quá mức vào công nghệ; mất cân bằng giữa lý thuyết và thực hành công nghệ ứng dụng trong đào tạo ngành luật; khung pháp lý chưa hoàn thiện; khoảng cách giữa các cơ sở đào tạo trong ứng dụng công nghệ số...[10]. Những tác động của AI trong kỷ nguyên số mang đến những thách thức

đối với bất kỳ một giảng viên đại học nào nếu không muốn đào thải khỏi môi trường giáo dục. AI cũng tác động, định hình và làm thay đổi cách thức tiếp cận, tự học; việc trang bị kiến thức của mỗi sinh viên trong môi trường giáo dục đại học.

Một là, về kiến thức: đối với mỗi giảng viên có thể thấy thách thức lớn nhất, hiện hữu là sự thay đổi nhanh chóng của kiến thức. Nếu như trước đây những lo ngại về khối lượng kiến thức khổng lồ khi con người khai thác những ưu thế vượt trội của Internet kết nối vạn vật (IoT) mà có người ví von những gì mà người giảng viên có được chỉ như hạt muối giữa đại dương bao la; như hạt cát giữa sa mạc rộng lớn thì có thể khẳng định rằng trong kỷ nguyên số sự lo ngại này càng trở nên hiện hữu và không tưởng. Thật vậy, pháp luật vốn dĩ có tính lạc hậu, tính trễ hơn so với hiện thực đời sống khi mà đời sống nảy sinh những vấn đề mới; những đối tượng mới (như tài sản ảo, tiền mã hóa, Blockchain, tội phạm mạng...) mà pháp luật chưa kịp thời phản ánh, điều chỉnh. Hay như trong lĩnh vực pháp luật quốc tế vẫn thường biết đến chủ quyền quốc gia truyền thống nhưng chủ quyền trên không gian mạng thì vẫn là nội dung gây nhiều tranh luận học thuật nhất trong giai đoạn hiện nay. Rõ ràng trong bối cảnh đó đòi hỏi mỗi giảng viên phải tự cập nhật, tự trang bị những tri thức này để theo kịp sự phát triển của công nghệ, tri thức mới...và phải có sự hiểu biết đa ngành, liên ngành. Trong những năm gần đây, tiếp cận và đào tạo luật học dưới góc độ đa ngành, liên ngành, xuyên ngành được nhắc đến [11] và không ngừng được hoàn thiện bởi các học giả đầu ngành trong lĩnh vực luật học [12]. Trong kỷ nguyên số những thách thức đối với giảng viên không chỉ là những tội phạm truyền thống mà còn là những tội phạm phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao, những vấn đề mang tính kỹ thuật của Internet, Blockchain, dữ liệu đám mây, Big data, dữ liệu điện tử xuyên biên giới; tác chiến mạng, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng... Như vậy với những tri thức đơn thuần pháp lý sẽ không đủ để mỗi giảng viên có thể luận giải, hiểu được bản chất và thấy được sự liên kết giữa những yếu tố kinh tế, kĩ

thuật, môi trường, tài chính... với vấn đề pháp lý. Rõ ràng đây là một thách thức trực tiếp, hiện hữu, thường trực đối với hoạt động nghề nghiệp của mỗi giảng viên.

Hai là, về phương pháp đào tạo: theo quy định và thực tiễn đào tạo cho thấy, các cơ sở đào tạo luật học đã sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp giảng dạy, phổ biến nhất là thuyết giảng, bài tập nhóm, nghiên cứu án lệ, nghiên cứu tình huống... Nhưng với thực tế khối lượng kiến thức đồ sộ như hiện nay, mỗi giảng viên sẽ phải tự mình điều chỉnh, áp dụng các phương pháp vẫn được biết đến như là phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm; thay đổi từ tư duy truyền thụ sang dẫn dắt; từ trạng bị kiến thức sang trạng bị phương pháp tự học, tự nghiên cứu. Việc thay đổi trên đây đã được đưa ra bàn luận và triển khai từ lâu nhưng vẫn còn những rào cản về cơ sở vật chất, về quy mô lớp học về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra; về giáo trình, học liệu... dẫn đến hiệu quả chưa như kì vọng, cần thiết phải có những nghiên cứu định lượng chuyên sâu hơn.

Ba là, về kiểm tra, đánh giá: các công cụ AI đã hỗ trợ rất lớn cho mỗi giảng viên nhưng đồng thời mang đến những thách thức trong đánh giá, kiểm tra làm sao để thực chất và có thể đo lường được. Việc xây dựng ma trận đề thi vừa đạt chuẩn đồng thời hạn chế những lời giải từ AI là cả một vấn đề khó có thể khắc phục được trong thời gian ngắn, đặc biệt đối với những dạng thức như bài tập lớn hay tiểu luận. Cùng với đó là việc kiểm soát, phát hiện liên chính học thuật trong đào tạo không phải đều được nhận thức, quan tâm, áp dụng giống nhau ở các cơ sở đào tạo đại học của Việt Nam [13].

Thách thức đối với sinh viên cũng rất hiện hữu như làm xói mòn tư duy phản biện do lạm dụng AI (thậm chí từ "brain rot" – thối não được Oxford University Press bình chọn là thuật ngữ của năm 2024 để mô tả tình trạng suy giảm khả năng tư duy do tiêu thụ quá nhiều nội dung trực tuyến tầm thường); nhiễu loạn thông tin; rào cản về ngoại ngữ pháp lý. Với sự trợ giúp của ChatGPT hay các công cụ AI pháp lý, sinh viên dễ dàng tìm được câu

trả lời, bản tóm tắt án lệ hay dàn ý bài luận trong một click chuột dẫn đến xu hướng thụ động, bỏ qua quy trình tư duy pháp lý (legal reasoning) – vốn là kỹ năng cốt lõi của người thực hành pháp luật. Sinh viên có thể nhận được "kết quả" nhưng không hiểu "quy trình", dẫn đến việc hổng kiến thức nền tảng khi phải giải quyết những vấn đề pháp lý đa dạng trong thực tiễn đời sống phong phú, sinh động.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế trong kỷ nguyên số tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát

Chương trình và hoạt động đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Trường Đại học Kiểm sát đều tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Trong thời gian qua Nhà trường đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định đối với chương trình đào tạo ngành luật (chuyên ngành Kiểm sát) và Giấy chứng nhận kiểm định cơ sở giáo dục. Chương trình đào tạo được xây dựng, sửa đổi bổ sung để đáp ứng các yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là Quyết định 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 về Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học.

Kết quả khảo sát đánh giá người học đối với giảng viên của Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Khóa 3 chuyên ngành Luật thương mại học kỳ I, năm học 2025-2026, cụ thể: đối với Nội dung giảng dạy; Hoạt động giảng dạy; Kiểm tra – đánh giá người học: mức độ hài lòng, rất hài lòng là 94.87%; phân vân là 5.13%; không có nhận xét nào không hài lòng và rất không hài lòng. Về cảm nhận và kết quả đạt được là 96.15% (trong đó hài lòng về khả năng tiếp thu nội dung môn học qua giảng dạy của giảng viên là 97.44%; hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến bộ học tập của bản thân là 94.87%) [14]. Khóa 4 chuyên ngành Luật thương mại, học kỳ I, năm học 2025-2026, cụ thể: mức độ hài lòng và rất hài lòng đối với nội dung giảng dạy là 94.06 % (tỉ lệ rất không hài lòng là 1.71%, không hài lòng là 0.34%,

phân vân là 3.89%); Hoạt động giảng dạy hài lòng và rất hài lòng là 94.10%(tỉ lệ rất không hài lòng là 1.75%, không hài lòng là 0.30%, phân vân là 3.85%); Kiểm tra – đánh giá người học: mức độ hài lòng, rất hài lòng là 94.22% (tỉ lệ rất không hài lòng là 1.80%, không hài lòng là 0.25%, phân vân là 3.73%). Về cảm nhận và kết quả đạt được là 94.26% [15]. Như vậy có thể thấy là mặc dù tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng là cao (trên 94%) phản ánh về cơ bản sinh viên đánh giá tốt công tác giảng dạy các học phần do giảng viên khoa đảm nhiệm. Đa số sinh viên đánh giá các giảng viên dạy tốt, giảng hay, truyền đạt dễ hiểu, nhiệt tình và tâm huyết với bài giảng. Các sinh viên đều thể hiện sự hài lòng và yêu thích đối với giảng viên giảng dạy các học phần [14]; nhiều ý kiến bày tỏ sự hài lòng, khen ngợi sự vui tính, gần gũi của giảng viên nhưng cũng còn một số nhận xét giảng viên nên không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy đối với những môn học khó [15]. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng và cảm nhận mức độ đạt được là tương đối cao nhưng vẫn có những khảo sát cho thấy sinh viên yêu cầu giảng viên cần đổi mới phương pháp giảng dạy đối với những môn học khó cho thấy những phương pháp hiện tại, truyền thống là chưa đủ. Đồng thời đã có một tỉ lệ nhỏ sinh viên không hài lòng ở khóa 4, trong khi khóa 3 không có trường hợp nào không hài lòng hay rất không hài lòng phần nào cho thấy sinh viên càng ngày càng đòi hỏi mức độ đáp ứng của người dạy càng cao hơn.

Thực trạng công tác đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế ở Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế đặt trong bối cảnh hoạt động đào tạo pháp luật ở Việt Nam nói chung, có thể rút ra một số nhận xét, bình luận sau:

Về giảng viên: cơ bản giảng viên đảm nhiệm những học phần pháp luật quốc tế đều đảm bảo các yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ, nghiệp vụ; ít nhất hai giảng viên đảm nhiệm một môn học và một giảng viên đảm nhiệm nhiều môn học khác nhau trong chương trình đào tạo. Sự dịch chuyển này vừa để giải quyết bài toán nhân sự của khoa nhưng đồng thời hướng đến xu hướng mở rộng các lĩnh

vực từ những lĩnh vực gần đến những lĩnh vực liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong kỷ nguyên số. Cách tiếp cận giỏi một lĩnh vực và biết nhiều lĩnh vực liên quan là không mới nhưng việc biến từ tư duy thành hành động thực tế đang được triển khai trong thời gian gần đây, ít nhất ở cấp độ bộ môn và cấp khoa.

Về tổ chức giảng dạy: các giảng viên của khoa sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy như thuyết trình, thảo luận, phát vấn, làm bài tập nhóm, diễn án... Nhìn chung việc sử dụng các phương pháp này vẫn mang nặng tính truyền thống, thụ động, một chiều như tình trạng chung ở những cơ sở đào tạo khác là “hình thức truyền thụ kiến thức cơ bản vẫn là giảng viên lên lớp để thuyết giảng; sinh viên, học viên ngồi chăm chú nghe; ghi chép” [16], bài giảng vẫn là hình ảnh trình chiếu slide được thiết kế trên những nền tảng công nghệ khác nhau, vẫn còn thiếu sự tương tác liên tục. Đồng thời việc ứng dụng công nghệ cũng trong tình trạng chung là “mức độ ứng dụng chỉ tạm dừng ở việc chia sẻ bài giảng, đăng tải tài liệu, giao lưu thông qua không gian mạng..., mà chưa khai thác triệt để giá trị ứng dụng của các công nghệ. Việc khai thác và ứng dụng các công nghệ tiên tiến khác như AI, blockchain cơ bản được trang bị ở cấp độ cơ sở nhưng không đồng bộ” [10].

Trong thực tiễn thực hiện công tác đào tạo, giảng viên ít sử dụng ngoại ngữ vào giảng dạy, đặc biệt là tiếng Anh do đó ảnh hưởng đến chất lượng chuyên môn của giảng viên, khó tiếp cận các tri thức tiến bộ của nhân loại... chất lượng đào tạo luật do đó cũng trở nên kém cạnh tranh hơn so với các trường luật trong khu vực và các nước tiến bộ [16]. Thực tiễn khi giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, các giảng viên cũng ít khi sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động giảng dạy. Tuy nhiên cũng cần thấy là việc sử dụng hay giảng dạy bằng tiếng Anh nên được tiếp cận như cách làm hiện nay là ở những lớp, hệ chất lượng cao mà không thể áp dụng đại trà do những hạn chế từ đội ngũ giảng viên cũng như khả năng, mức độ tiếp thu của từng sinh viên.

Việc áp dụng thảo luận bài tập nhóm, thảo luận những nội dung chưa được phân tích sâu ở giờ giảng lý thuyết được giảng viên tiến hành trong giờ thảo luận tại lớp. Đây là hình thức được áp dụng nhất quán và nhằm đáp ứng được các mục tiêu của chuẩn đầu ra và trang bị cho sinh viên những kĩ năng cần thiết, đặc biệt kĩ năng làm việc nhóm, điều hành, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu... Vướng mắc lớn nhất của hình thức này chính là cơ sở vật chất phải đồng bộ và quy mô lớp học không quá lớn thì mới đạt được hiệu quả nhưng trong thực tế rất ít cơ sở thực hiện được hình thức này [17]. Đồng thời việc phải đảm bảo giờ giảng lý thuyết theo đúng tiến độ, đề cương dẫn đến việc giảng viên thường sẽ cố gắng truyền đạt hết các vấn đề lý thuyết; không có nhiều thời gian để áp dụng các phương pháp đòi hỏi phải cần khoảng nghỉ, khoảng lặng để sinh viên tư duy, động não.

Hoạt động giảng dạy vẫn đang thiên về truyền đạt, phân tích các quy định pháp luật thực định; chưa có nhiều hoạt động mang tính dẫn dắt, gợi mở, đi sâu tìm hiểu các học lý để luận giải và thấu triệt nguồn gốc, bản chất pháp lý của vấn đề. Xét trong sự thay đổi nhanh chóng của tri thức, việc thấu hiểu bản chất pháp lý và kiếm tìm nguồn gốc từ những học lý sẽ giúp cho sinh viên có thể lý giải, thích nghi với bất kì sự thay đổi nào trong tương lai, đặc biệt trong sự thay đổi không thể tưởng tượng của tri thức trong kỷ nguyên số.

Một trong những hình thức giảng dạy vẫn được quan tâm do tính hiệu quả của hình thức này đó là diễn án các phiên tòa giả định. Với điều kiện hiện nay, đối với những môn học khác, tiến hành diễn án có thể giúp sinh viên hình dung, tiếp cận được trình tự, thủ tục tại một phiên tòa. Tuy nhiên đối với các học phần lĩnh vực pháp luật quốc tế việc lựa chọn hình thức này là phức tạp hơn nhiều do tính chất khan hiếm của các học liệu phục vụ cho việc xây dựng và khả năng tiếp cận của chính giảng viên đảm nhận. Mặc dù giảng viên hoàn toàn có thể tham khảo các cơ sở dữ liệu của các tổ chức, định chế quốc tế nhưng rào cản về ngôn ngữ - nhất là tiếng Anh pháp lý cũng là một thách thức không nhỏ. Việc sử dụng các công cụ dịch thuật về

lĩnh vực pháp lý vẫn còn những khoảng cách chưa thể lấp đầy [5].

Cùng với việc sử dụng linh hoạt hoặc kết hợp các hình thức giảng dạy ở Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế vẫn chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ và triển khai hình thức các dự án. Đối với việc ứng dụng công nghệ để giao bài tập, giao câu hỏi, để kiểm tra đánh giá còn rất hạn chế, tùy thuộc vào mỗi giảng viên do chưa có hệ thống LMS được tích hợp, quản lý chính thống. Đối với triển khai các dự án thường được sử dụng ở cấp học cao nhất là nghiên cứu sinh đòi hỏi phải có thời gian, nguồn lực, tuy nhiên hình thức này ít được áp dụng ở phần lớn các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam nói chung và ở Trường Đại học Kiểm sát nói riêng.

Về kiểm tra, đánh giá: như trên đã đề cập một trong những thách thức lớn nhất là phải có một hệ thống câu hỏi vừa đánh giá, kiểm tra được chuẩn đầu ra của người học với chương trình, mục tiêu đào tạo nhưng đồng thời đảm bảo rằng AI khó có thể thay thế. Tuy nhiên, đối với những câu hỏi dạng này chỉ được chiếm một tỉ lệ nhất định để đáp ứng bậc nhận thức cao nhất, còn phần lớn ở những bậc nhận thức cơ bản thì khả năng sinh viên sử dụng AI làm thay là hiện hữu. Qua thực tiễn tổ chức đào tạo, có nhiều câu hỏi sinh viên đã sử dụng AI để kiểm tìm câu trả lời nhưng bản thân sinh viên cũng không đủ khả năng để kiểm chứng tính chính xác, tin cậy của câu trả lời. Điều này về dài hạn làm xói mòn tư duy và có thể dẫn đến hệ quả là sinh viên không có tư duy pháp lý của một người hành nghề luật trong tương lai.

Như vậy, từ thực trạng trên đây cho thấy những tác động của công nghệ đối công tác đào tạo pháp luật là rất lớn đòi hỏi mỗi giảng viên phải thay đổi tư duy, phương pháp đào tạo; về kiểm tra đánh giá và không ngừng ứng dụng công nghệ vào hoạt động giáo dục.

4.2. Một số gợi mở nhằm nâng cao chất lượng đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế trong kỷ nguyên số tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát

Trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động

đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế trước tác động của công nghệ trong kỷ nguyên số, nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế trong kỷ nguyên số tại Trường Đại học Kiểm sát.

Một là, về chương trình đào tạo cần bám sát các quy định của pháp luật, đặc biệt là phải nắm chắc quy định và tinh thần của Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 về Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học để thiết kế chương trình đào tạo phù hợp. Đồng thời quán triệt yêu cầu đào tạo của Ngành theo tinh thần 3 Gi: “Giáo trình tốt, Giảng viên giỏi, Giảng dạy gắn thực tiễn” [18]. Tuy nhiên cũng cần lưu ý rằng, nội dung đào tạo cần có độ linh hoạt nhất định để tạo dư địa cho giảng viên có thể truyền đạt nhưng kiến thức mới nổi trong lĩnh vực pháp luật quốc tế gắn với công nghệ số, chuyển đổi số. Song song với thiết kế chương trình, cần thiết chuẩn bị đội ngũ giảng viên có khả năng tiếp cận những vấn đề liên quan đến những kiến thức pháp lý gắn với công nghệ số đặc biệt là sự tham gia của hệ sinh thái AI vào đào tạo lĩnh vực pháp luật.

Hai là, mỗi giảng viên cần tự đào tạo, tự nghiên cứu những lĩnh vực pháp luật mới theo hướng đa ngành, liên ngành, xuyên ngành. Giảng viên cần vượt thoát khỏi tư duy pháp lý thuần túy để tiếp cận kiến thức “luật - công nghệ” như là một xu thế tất yếu không thể đảo ngược. Đồng thời trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiến thức thực tiễn bắt buộc đối với giảng viên đảm nhiệm học phần lĩnh vực pháp luật, mỗi giảng viên cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy định hàng năm, giảng viên dạy các môn luật, nghiệp vụ kiểm sát, tội phạm học và điều tra tội phạm phải thực tế ít nhất 02 tháng tại Viện kiểm sát để tích lũy kinh nghiệm và kỹ năng thực hành nghiệp vụ kiểm sát theo quy định của Chỉ thị số 05/CT-VKSTC ngày 04/04/2016 về Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân giai đoạn 2016-2020 và những

năm tiếp theo; Chỉ thị số 07/CT-VKSTC ngày 23/9/2020 về Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo... Đồng thời đối với giảng viên giảng dạy những nội dung liên quan đến pháp luật quốc tế, mang tính đặc thù có thể khai thác tối đa những lợi thế mà những cơ quan, đơn vị khác không có được. Chẳng hạn trong lĩnh vực luật hình sự quốc tế, giảng viên có thể tự trang bị kiến thức bằng cách tham gia thực tế tại các đơn vị nghiệp vụ có liên quan của ngành Kiểm sát (Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự) đối với những vấn đề mới nổi liên quan đến chứng cứ điện tử, tài sản kỹ thuật số... (Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Văn phòng VKSTC) trong đấu tranh phòng chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài.

Ba là, trong tổ chức giảng dạy và đánh giá kết quả người học: trong giảng dạy, giảng viên phải tự đào tạo, trang bị và áp dụng những phương pháp giảng dạy tích cực; khai thác triệt để hiệu quả do các công cụ công nghệ mang lại với nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, thực chất, minh bạch và có thể đo lường được. Cần thống nhất nhận thức rằng việc sinh viên sử dụng công nghệ, AI để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, học tập là nhu cầu nội tại, tất yếu. Để thích ứng với việc sinh viên sử dụng AI trong học tập, giảng viên cần chuyển dịch mạnh mẽ phương thức đánh giá từ kiểm tra kiến thức ghi nhớ sang đánh giá năng lực tư duy phản biện và kỹ năng tranh tụng. Chẳng hạn cần tăng cường tỉ trọng các bài thi vấn đáp; diễn án giả định (moot court) và giải quyết tình huống pháp lý mở ngay tại lớp... Cách tiếp cận này buộc sinh viên phải vận dụng tư duy thực chất thay vì sao chép từ các công cụ hỗ trợ, đảm bảo sự liêm chính và công bằng trong giáo dục.

Bốn là, cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất; hạ tầng kỹ thuật; thiết bị công nghệ, phần mềm... để đảm bảo quá trình quản lý đào tạo, tổ chức đào tạo được kiểm tra, đánh giá, đo lường thực chất, đáp ứng chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo. Nhà trường đầu tư hệ thống công nghệ thông tin,

phần mềm đồng bộ, liên thông, kết nối và được phép khai thác các nguồn dữ liệu của ngành Kiểm sát nhân dân phục vụ cho hoạt động đào tạo. Đầu tư hệ thống thư viện số, học liệu số, hệ thống LMS... để gia tăng tần suất tương tác giữa giảng viên – sinh viên, đảm bảo hoạt động dạy và học là cả một quá trình tích lũy có chiều sâu, phù hợp với triết lý giáo dục; đáp ứng các mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn trong kỷ nguyên số.

5. Kết luận

Nghiên cứu chỉ ra rằng các công cụ giáo dục trong kỷ nguyên số mang đến cả những thách thức và cơ hội bao gồm khối lượng kiến thức khổng lồ; sự lạm dụng AI; thách thức trong kiểm tra đánh giá; trong tiếp cận các tri thức mới; trong việc hình thành tư duy và nhiễu loạn thông tin.

Hoạt động đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế từ thực tiễn ở Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát cũng đối diện với những thách thức chung giống như các cơ sở đào tạo khác trong kỷ nguyên số như về chất lượng đội ngũ giảng viên; về quá trình triển khai các hoạt động đào tạo; trong kiểm tra đánh giá... đòi hỏi phải có nhiều giải pháp khắc phục.

Để nâng cao chất lượng đào tạo luật trong thời gian tới, nghiên cứu đưa ra 04 gợi ý từ thiết kế chương trình; nguồn lực; quá trình tổ chức đào tạo; cơ sở vật chất. Những giải pháp này cần được tiến hành đồng bộ, quyết liệt, thực chất, hiệu lực, hiệu quả.

Nghiên cứu mới phác họa bức tranh tổng quan, mang tính gợi mở về thực trạng hoạt động đào tạo các môn học thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế tại Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế trong bối cảnh tác động của công nghệ nói chung mà chưa có điều kiện nghiên cứu sâu hơn bằng các phương pháp định lượng, đây sẽ là những khoảng trống nghiên cứu hứa hẹn mang đến những kết quả tin cậy nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện thể chế, chương trình, hoạt động đào tạo trong lĩnh vực pháp luật tại các cơ sở đào tạo của Việt Nam trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- [1] N. V. Lâm, Lê Trung Kiên. (2021). Hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản*, số 965 (5/ 2021), 97-101.
- [2] Đ. Đ. Lương. (2021). Kỹ năng trong đào tạo cử nhân luật đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Nhà xuất bản Đại học Huế.
- [3] N. H. Sang. (2025). Cơ hội và thách thức cho luật sư trong kỷ nguyên AI. *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, Số 1(74)-2025, tr.97.
- [4] D. H. Nhung, N X. Bảo, V.T. H. Hà. (2024). Cơ hội và thách thức của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học, một số khuyến nghị đối với hoạt động đào tạo nghề Luật ở Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, Số 7 (4/2024).
- [5] A. M. Moneus, Y. Sahari (2024). Artificial intelligence and human translation: A contrastive study based on legal texts. *Heliyon*, vol 10, p.h 6, p e28106. doi: 10.1016/j.heliyon.2024.e28106.
- [6] EBSCO Research. (2025). Information age (Digital age). <https://www.ebsco.com>.
- [7] Reverso English Dictionary. (2025). Digital Age - Definition & Meaning. <https://dictionary.reverso.net/english-definition/digital+age>.
- [8] N.T. Thức. (2025). Kỷ nguyên số - Bối cảnh và cơ hội cho kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản*.
- [9] M. Dũng. (2025). Kỷ nguyên số, việc đưa AI thành môn học bắt buộc là bước đi chiến lược. *Tạp chí Giáo dục*. <https://giaoduc.net.vn/ky-nguyen-so-viec-dua-ai-thanh-mon-hoc-bat-buoc-la-buoc-di-chien-luoc-post251515.gd> (truy cập ngày 25/11/2025)
- [10] N. T. Hiền, Đ. T. D. Linh. (2025). Đào tạo cử nhân luật trong bối cảnh phát triển công nghệ số. *Tạp Chí Điện Tử Luật Sư Việt Nam*. <https://svn.vn/dao-tao-cu-nhan-luat-trong-boi-can-phat-trien-cong-nghe-so-a164255.html> (truy cập ngày 21/11/2025)
- [11] V. K. Vinh (2018). Tiếp cận đa ngành, liên ngành, xuyên ngành trong nghiên cứu và đào tạo luật học ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Nhà*

nước và Pháp luật, số 5, 3–11.

- [12] Võ Khánh Vinh (2024). Tiếp cận đa ngành, liên ngành, xuyên ngành trong nghiên cứu và đào tạo luật học ở Việt Nam hiện nay. Tập bài giảng, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Hà Nội.
- [13] L. T. M. Thảo, P. T. Tâm, T. C. Sơn. (2025). Liền chính học thuật trong môi trường giáo dục đại học ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, số đặc biệt 6A (08/2025), tr 13–23.
- [14] Trường Đại học Kiểm sát. (2025). Báo cáo số 306/BC - T2 - BĐCL ngày 28/11/2025, Kết quả Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2025-2026.
- [15] Trường Đại học Kiểm sát. (2025). Báo cáo số 330/BC - T2 - BĐCL ngày 19/12/2025, Kết quả Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2025-2026.
- [16] L. V. Đức, H. T. T. Phương. (2025). Đào tạo luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và một số giải pháp. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*. <https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx?ItemID=927> (truy cập ngày 21/11/2025)
- [17] P. T. Hiền, N. T. Phương. (2022). Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên luật trong giai đoạn hiện nay. *Tạp Chí Khoa Học Xã Hội Việt Nam*, Số 9 (177), 80–87.
- [18] Viện kiểm sát nhân dân tối cao. (2025). Chỉ thị số 01/CT-VKSTC Chỉ thị Công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2026 ngày 10/10/2025. Hà Nội.